TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA SÚP
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 9 - 2022
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lưu Quốc Chinh

Các Hội thẩm nhân dân gồm có: Ông Bành Trọng Bình

Bà Nguyễn Thị Hồng

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Duy – Cán bộ Toà án nhân dân huyện Ea Súp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa: Bà Ngụ Lê Mỹ Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại phòng xử án Toà án nhân dân huyện Ea Súp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 160/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 05 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 09 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2022/QĐST-DS ngày 23 tháng 09 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Ngọc Á** – SN: 1990

Địa chỉ: Số 14/24 đường T, TDP Đ, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T** – SN: 1991

Địa chỉ: Số 14/24 đường T, TDP Đo, thị trấn E, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/05/2022, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, và lời khai tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc Á trình bày:

Chị Ánh và anh Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 25 tháng

09 năm 2012. Trong thời gian đầu vợ, chồng chung sống hạnh phúc và đã có 02 con chung Nguyễn Trần Bảo N – SN: 19/10/2012, Nguyễn Trần Bảo H – SN: 06/08/2016, tuy nhiên thời gian gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân anh T thay đổi tính nết, không quan tâm con cái, không có trách nhiệm với gia đình, anh T còn có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Chị thấy tình cảm giữa chị và anh T không còn nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ea Súp giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn T không có con nuôi, con riêng, anh chị có 02 con chung Nguyễn Trần Bảo N – SN: 19/10/2012, Nguyễn Trần Bảo H – SN: 06/08/2016. Nay ly hôn chị yêu cầu nuôi cháu N cho đến khi đủ 18 tuổi. Yêu cầu giao cháu H cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng chị và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản, công nợ: Chị và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Trần Thị Ngọc Á tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 25 tháng 09 năm 2012. Trong thời gian đầu vợ, chồng chung sống hạnh phúc và đã có 02 con chung Nguyễn Trần Bảo N – SN: 19/10/2012, Nguyễn Trần Bảo H – SN: 06/08/2016, tuy nhiên thời gian gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, nhất là trong vấn đề tình cảm, tuy nhiên bản thân anh vẫn còn tình cảm với chị Á nên anh không đồng ý ly hôn với chị Á, do anh không đồng ý ly hôn nên về con chung, tài sản, công nợ anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho anh Nguyễn Văn T, tuy nhiên anh T đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 02 tháng 08 năm 2022 nguyên đơn đã được tiếp cận, thống nhất với chứng cứ đã được công khai và không thay đổi bổ sung đơn khởi kiện hay nộp chứng cứ gì mới, không yêu cầu triệu tập đương sự khác đến tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt, nguyên đơn không có ý kiến tranh luận gì thêm, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 96, 97, 98, 175, 176, 197, 198, 204 và 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn Tòa án đã tiến hành tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn vẫn vắng mặt.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 53, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc Á, xử cho chị Á được ly hôn với anh Nguyễn Văn T, về con chung giao cháu Nguyễn Trần Bảo N cho chị Á nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, giao cháu Nguyễn Trần Bảo H cho anh T nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chị Á và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Trần Thị Ngọc Á khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại tổ dân phố Đ, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án huyện Ea Súp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục: Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thông báo tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho anh Nguyễn Văn T và mẹ ruột anh T là bà Mai Thị Th, đồng thời liên hệ qua số điện thoại của anh T, tuy nhiên anh T không hợp tác, không có mặt tại Tòa án. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xử vắng mặt.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử nhận thấy chị Trần Thị Ngọc Á và anh Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 25 tháng 09 năm 2012 đúng theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Ngọc Á và anh Nguyễn Văn T là hợp pháp. Trong thời gian chung sống chị Á, anh T nảy sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do anh, chị tính tình không hợp, nhất là vấn đề tình cảm, không hàn gắn được, hiện anh chị đã sông ly thân với nhau. Xét tình cảm, hạnh phúc của chị Á và anh T không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Á, xử cho chị Trần Thị Ngọc Á được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[4] Về con chung: Chị Á và anh T không có con nuôi, con riêng anh chị có 02 con chung Nguyễn Trần Bảo N – SN: 19/10/2012, Nguyễn Trần Bảo H – SN: 06/08/2016. Nay ly hôn chị Á yêu cầu nuôi cháu N cho đến khi đủ 18 tuổi. Yêu cầu

giao cháu H cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Xét điều kiện nuôi con của các bên Hội đồng xét xử nhận thấy chị Á và anh T đều có công việc ổng định, anh T làm nghề lái xe thu nhập từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng một tháng, chị Á làm nghề nail (thẩm mỹ) thu nhập 15.000.000 đồng một tháng và đều có nơi cư trú ổn định nên chị Á và anh T đều có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con như nhau cũng là theo nguyện vọng của các cháu nên Hội đồng xét xử có cơ sở để giao con chung cháu Nguyễn Trần Bảo N cho chị Á nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Trần Bảo H cho anh T nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng chị Á và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau là phù hợp.

[5] Về tài sản, công nợ: Chị Á và anh T không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án. Chị Trần Thị Ngọc Á phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, 266, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc Á, xử cho chị Trần Thị Ngọc Á được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Bảo N – SN: 19/10/2012 cho chị Trần Thị Ngọc Á nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu Nguyễn Trần Bảo H – SN: 06/08/2016 cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Á và anh T không được quyền ngăn cản nhau đến thăm nom chăm sóc con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Ngọc Á và anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Chị Á và anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, công nợ: Chị Trần Thị Ngọc Á và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc Á phải chịu 300.000^{đ} (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^{đ} (*Ba trăm nghìn đồng*) chị Á đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E theo biên lai thu số 0010046 ngày 24/05/2022.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể tử ngày niêm yết bản án.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Súp;
- Chi cục THA huyện E;
- UBND thị trấn E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Lưu Quốc Chinh